TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Sơn Tây;

Ông Nguyễn Văn Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh– Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Tổ A, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Khóm A, phường V, huyện C, tỉnh Trà Vinh; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vương Minh Th, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ A, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Vương Minh Th chung sống với nhau vào năm 2011 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) K, huyện (nay là thị xã) T theo giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01/2012 ngày 17-8-2012. Trong cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, nhận thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà T và ông Th có một con chung tên Vương Bảo N, sinh ngày 30-01-2011. Hiện tại con chung đang sống cùng bà T nên khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vương Minh Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng ông Th không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Vương Minh Th vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Vương Minh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Vương Minh Th chung sống với nhau vào năm 2011 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) K, huyện (nay là thị xã) T theo giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01/2012 ngày 17-8-2012, là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Th không đến Tòa án cho thấy ông Th không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời bà T xác định không còn tình cảm và

kiên quyết ly hôn, do vậy có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Th là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông Th có một con chung tên Vương Bảo N, sinh ngày 30-01-2011. Xét thấy, con chung hiện tại đang sống cùng bà T, bà T chăm sóc con chung đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, đồng thời con chung có nguyện vọng sống cùng bà T. Do vậy, bà T yêu cầu nuôi dưỡng con là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Vương Minh Th.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Vương Minh Th.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Vương Bảo N, sinh ngày 30-01-2011 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông Vương Minh Th và bà Nguyễn Thị Kim T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật. Ông Th được quyền đi lại thăm con và không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông Th lạm dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông Th. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037713 ngày 04-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết